

ST, ngày 11 tháng 9 năm 2019

Số: 07/2019/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 08/2019/TLST-DS ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện ST.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội;

Địa chỉ: 169 Phố LĐ, Phường HL, quận HM, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T1 - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện ST, tỉnh QN, theo văn bản ủy quyền số 4716 ngày 25/11/2016. Ông Trần Minh T1 ủy quyền lại cho ông Phạm Minh C – Cán bộ tín dụng Phòng giao dịch huyện ST theo văn bản ủy quyền ngày 27/8/2019.

Nơi làm việc: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh QN; Số điện thoại:; số fax: không.

-Bị đơn: ông Đinh Văn C1 sinh năm: 1973 và bà Đinh Thị T2, sinh năm 1977;

Cùng có địa chỉ: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh QN.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: các bị đơn ông Đinh Văn C1 và bà Đinh Thị T2 đồng

ý trả số tiền gốc là 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 09/5/2019 cho Nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội là 2.811.927đồng (*Hai triệu tám trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng*) thông qua Phòng giao dịch huyện ST, tỉnh QN. Việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông C1, bà T2 kể từ ngày 11/9/2019. Đối với khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 09/5/2019 từ khoản nợ gốc 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*) ông C1, bà T2 tiếp tục trả theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc với Ngân hàng chính sách xã hội.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn ông C1, bà T2 thoả thuận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 320.000 đồng (*Ba trăm hai mươi nghìn đồng*). Tại phiên hoà giải bị đơn có đơn xin miễn án phí, có giấy xác nhận hộ cận nghèo. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBQH14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Đình Văn C1, bà T2 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND h ST;
- Chi cục THADS h ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phước